



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG TƯ VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Lúa đông xuân

2.949,5

nghìn ha

▼ 1,4%

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 15/4/2023

Ngô

392,6

nghìn ha

▼ 2,2%

Lạc

110

nghìn ha

▼ 4,6%

Khoai lang

47

nghìn ha

▼ 4,8%

Rau đậu

560,2

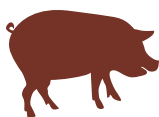
nghìn ha

▲ 1,0%



Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 4/2023 so với cùng thời điểm năm trước

▲ 3,7%



Lợn

▲ 2,0%



Gia cầm

▼ 2,3%



Trâu

▲ 1,6%



Bò

Sản lượng thủy sản 4 tháng đầu năm 2023

Nuôi trồng

1.416,2

nghìn tấn

▲ 3,0%

TỔNG SỐ

2.637

nghìn tấn

▲ 1,2%

Khai thác

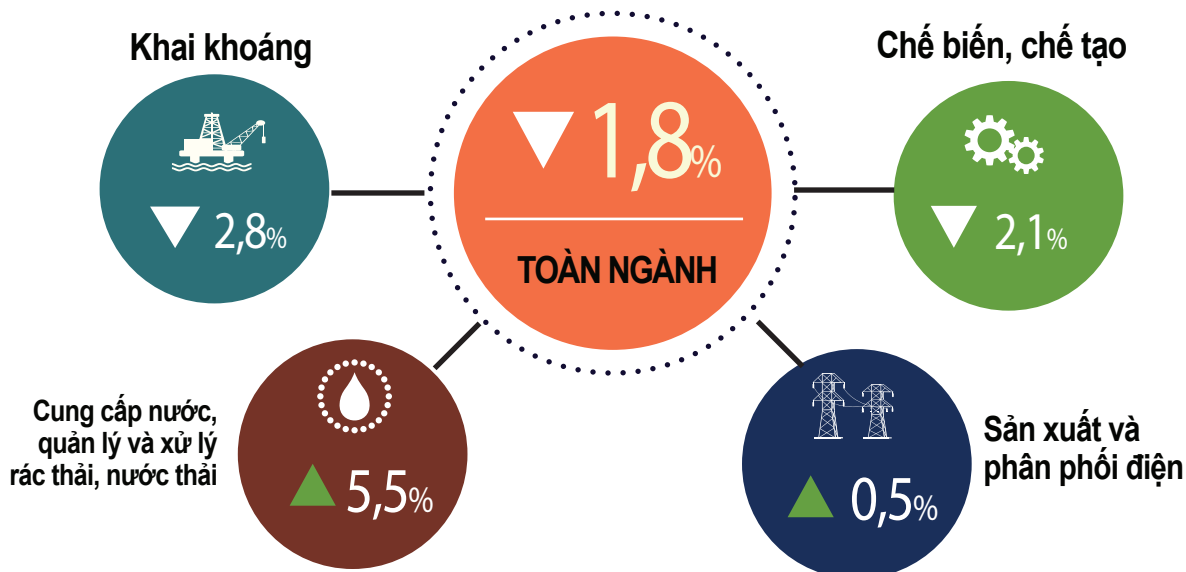
1.220,8

nghìn tấn

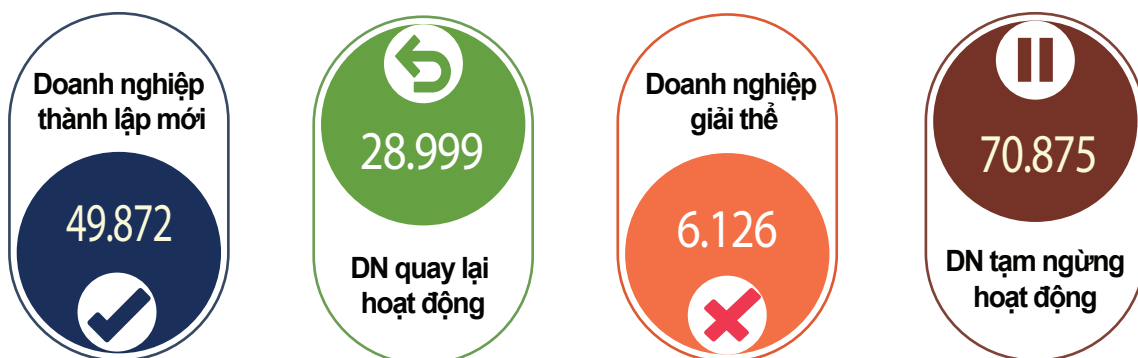
▼ 0,8%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

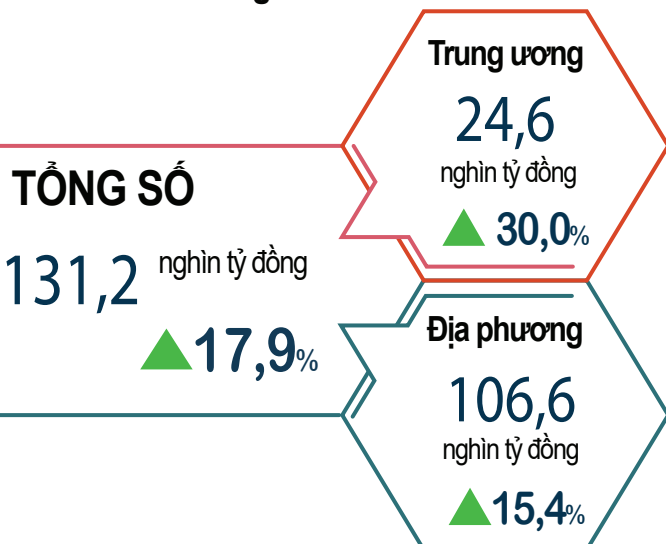


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

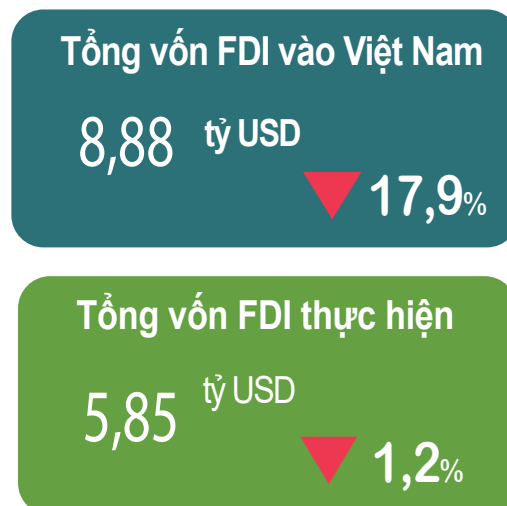


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

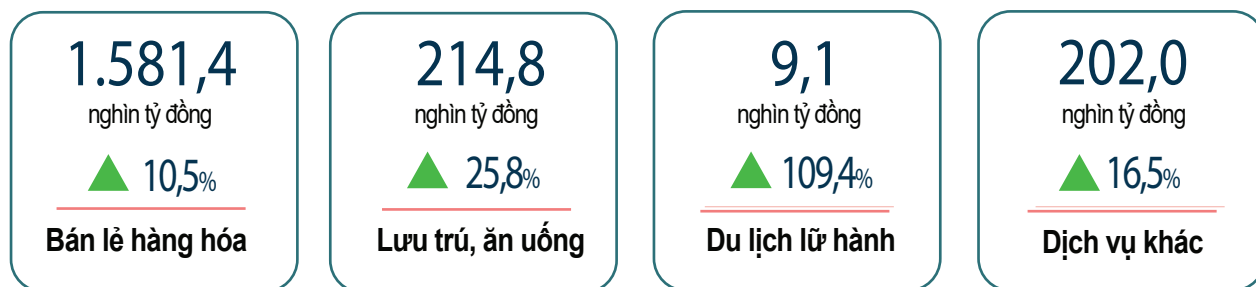
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2023



Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-20/4/2023

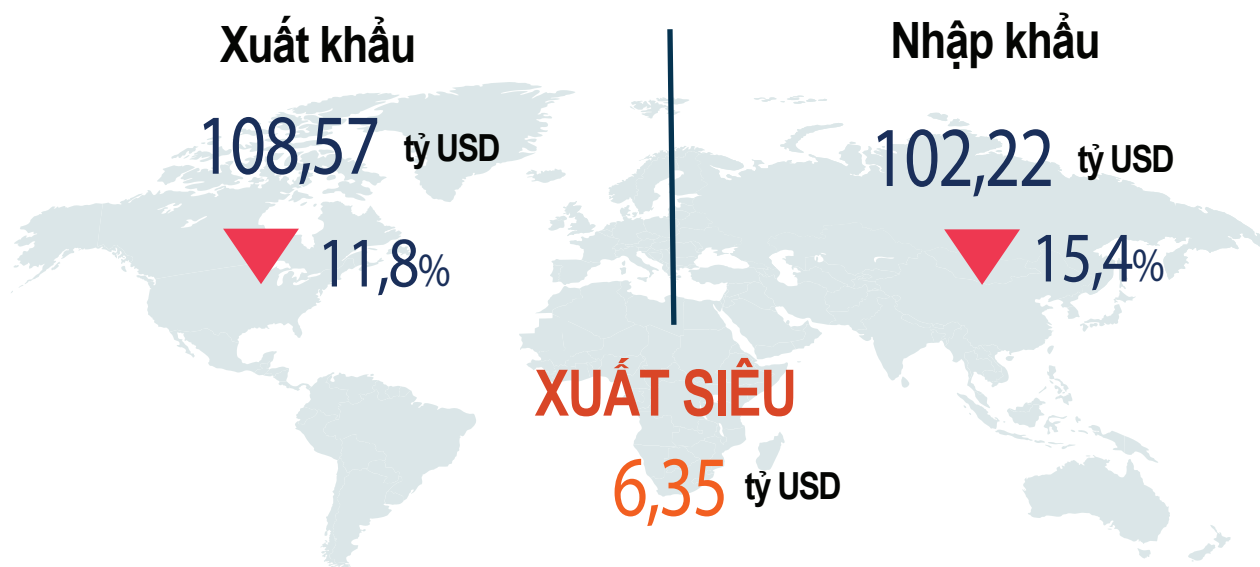


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

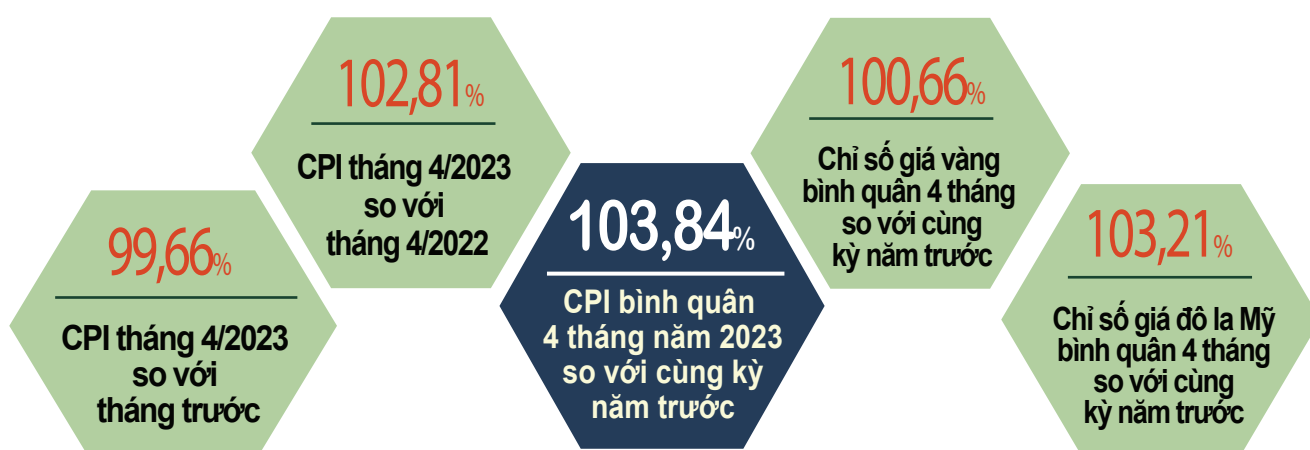


TỔNG SỐ | 2.007,3 nghìn tỷ đồng ▲ 12,8%

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



CHỈ SỐ GIÁ



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Vận tải hành khách

Vận chuyển

1.493,9 triệu lượt khách ▲ 24,6%

Luân chuyển

80,5 tỷ khách.km ▲ 50,2%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

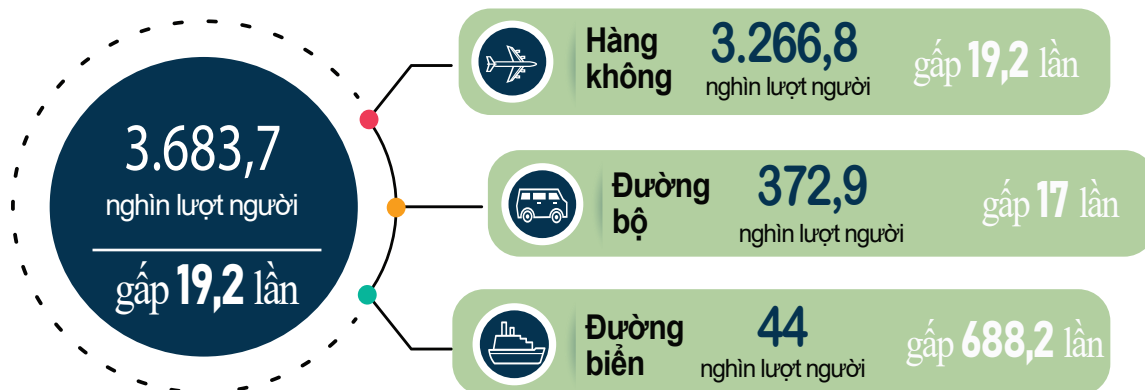
737,1 triệu tấn ▲ 17,2%

Luân chuyển

156,7 tỷ tấn.km ▲ 19,8%



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

2.673,5

Châu Âu

522,2

Châu Mỹ

337,6

Châu Úc

142,1

Châu Phi

8,3

TAI NẠN GIAO THÔNG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Số vụ tai nạn
(từ ít nghiêm trọng trở lên)

2.306

Bình quân 1 ngày

19

Vụ

Số người chết

1.895

Bình quân 1 ngày

16

người

Số người bị thương

1.252

Bình quân 1 ngày

10

người